

VỀ PHỨC HỢP THÀNH THĂNG LONG

NGUYỄN THỪA HỠ*

Cuộc tranh luận về phức hợp thành Thăng Long, kéo dài gần nửa thế kỷ, nhưng đến nay vẫn chưa ngã ngũ. Mặc dù tình hình có vẻ ngày càng sáng sủa, nhất là với những kết quả của đợt khai quật quy mô lớn vừa qua tại khu Ba Đình, các nhà nghiên cứu vẫn còn lúng túng với nhiều vấn đề rối rắm, chưa rõ ràng chung quanh những toà thành có tên gọi cụ thể như Đại La thành, Thăng Long thành, Long Phượng thành, hoặc với nội hàm của những thuật ngữ chỉ định như kinh thành, hoàng thành, cấm thành...

Sự lúng túng đó có nhiều lý do. Trước hết phải kể đến tình hình các nguồn tư liệu nói chung là khá ít ỏi, nhiều chỗ chưa rõ ràng, có khi còn mâu thuẫn (1). Tập bản đồ Hồng Đức là tư liệu hoạ hình đáng tin cậy nhất, nhưng nhiều bản vẽ vẫn không thống nhất, tỉ lệ thiếu chính xác. Việc một công trình kiến trúc đồng thời mang nhiều tên gọi hoặc được chỉ định bằng nhiều thuật ngữ khác nhau, lại thay đổi qua các thời kỳ cũng gây khó khăn cho việc nghiên cứu. Các tên gọi dân gian, nhất là ở các thời kỳ muộn sau này nhiều khi đã mang một nội dung mới, khác hẳn so với ý nghĩa ban đầu (2).

Mặt khác, về phía giới nghiên cứu, nhiều người trong chúng ta còn bị ràng

buộc bởi những định kiến có sẵn trong nhận thức và lập luận. Trong đó, có quan niệm truyền thống về cấu trúc phức hợp các thành quách - kinh đô phương Đông, đó là nguyên tắc thiết kế "tam trùng thành quách" (3 vòng thành: kinh thành, hoàng thành và cấm thành). Thực ra, đó là một nguyên tắc Trung Hoa, được tuân thủ nghiêm ngặt đối với các công trình kiến trúc ở Bắc Kinh thời Minh, trong khi thực tế của không gian xã hội - lịch sử Việt Nam sinh động hơn nhiều. Hơn nữa, thực tế và cả quan niệm về phức hợp thành quách ở Thăng Long cũng có sự chuyển biến qua các thời kỳ Lý - Trần, Lê sơ và Lê - Trịnh. Bỏ qua sự khác biệt đó có thể gây cho chúng ta những điều ngộ nhận.

Xử lý các nguồn tư liệu phức tạp cũng có thể dẫn đến những thái độ cực đoan. Mặc nhiên phủ nhận hoặc cố chấp quá tin vào một nguồn tư liệu để minh chứng cho lập luận đều là không thoả đáng.

Sau đây chúng tôi thử bàn về phức hợp thành Thăng Long theo một hướng tiếp cận mới. Nghiên cứu lại từ đầu, không sa đà vào tranh biện, không để bị ràng buộc bởi những quan niệm, lập luận định kiến, cố gắng đối sánh các nguồn tư liệu khác nhau, để mở kết luận, với mong muốn góp một ý kiến nhỏ vào một vấn đề lớn, bức xúc cả về

* PGS-TS. Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

khoa học lẫn thời sự, mà tất cả chúng ta đều quan tâm.

*

Nhìn một cách đại thể, theo sự ghi chép của sử cũ, phức hợp thành Thăng Long trải qua các triều đại và bao gồm ba toà thành: Đại La thành, Thăng Long thành và Long Phượng thành.

Bốn năm sau khi định đô, năm 1014, Lý Thái Tổ đã cho “đắp thành đất ở bốn mặt kinh Thăng Long”. Trong các thế kỷ sau, lũy đất Đại La đã được nhiều lần gia cố, sửa đắp, mở rộng (trong các năm 1078, 1230, 1477). Năm 1588, để ngăn ngừa quân Lê - Trịnh tấn công, Mạc Mậu Hợp đã cho đắp một thành Đại La mới, gồm ba lần lũy, chu vi rộng dài bao gồm cả vùng Hồ Tây. Tới năm 1592, khi Trịnh Tùng tiến quân ra Thăng Long diệt Mạc, toà thành này đã bị san bằng, phá huỷ.

Hơn một thế kỷ rưỡi tiếp sau (1592 - 1749), thành bao Đại La không hề tồn tại. Các du khách ngoại quốc đến Thăng Long - Kẻ Chợ vào thời đó, đều ghi nhận điều này. Năm 1749, trước sự uy hiếp kinh đô của nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu, chúa Trịnh Doanh bèn sai đắp lại thành Đại La, lần này gọi là Đại Đô. Lũy đất mới này so với những thành Đại La trước kia nhỏ hơn nhiều, bỏ hẳn ra ngoài khu vực Hồ Tây và khu 13 trại phía Tây (sau này là tổng Nội), mở ra nhiều cửa ô, đặt lính canh phòng cẩn mật, tồn tại cho đến cuối thế kỷ XIX, hiện nay vẫn còn dấu tích. Trên các bản đồ Hồng Đức, lũy đất Đại La không được thể hiện một cách đầy đủ khép kín, có bản đồ không vẽ (như bản đồ A.73 và A.3034). Trong bản đồ Hà Nội 1873 của Phạm Đình Bách, ghi chú phân biệt hai thành Đại La: Ngoại La thành (chỉ Đại La cũ) và Nội La thành (chỉ thành Đại Đô 1749).

Thành Thăng Long (trong chính sử rất nhiều chỗ chỉ được ghi vắn tắt: thành) do Lý Thái Tổ cho đắp năm 1010, sau khi đã định đô và xây dựng một số cung điện chính. Thành được xây dựng trong khu vực của thành Đại La Cao Biền, nhưng không có nghĩa là trùng khớp với nền cũ của toà thành này. Thành Thăng Long mở ra bốn cửa: Tường Phù (Đông), Quảng Phúc (Tây), Đại Hưng (Nam) và Diệu Đức (Bắc). Trong số đó, hai cửa đã được người đời sau định vị khá rõ ràng. Đó là cửa Tường Phù (sau đổi thành Đông Hoa) nằm ở khoảng phố Hàng Đường cắt phố Hàng Cá ngày nay, cách không xa đến Bạch Mã, và cửa Đại Hưng (thường gọi là cửa Nam) nằm ở quãng Vườn hoa Cửa Nam ngày nay. Về phía Bắc và phía Tây, theo sử cũ và các bản đồ Hồng Đức, thành được xây nương theo dòng chảy của hệ thống sông Tô Lịch - Kim Ngưu, được sử dụng như một hào nước phòng ngự thiên nhiên. Trên bản đồ, thành Thăng Long được thể hiện thành một hình thước thợ (chữ L nằm ngang).

Năm 1514, dưới thời Lê Tương Dực, thành Thăng Long được mở rộng khá nhiều về phía Bắc, chắn ngang sông Tô Lịch, bao cả diện Tường Quang và quán Trấn Vũ (đều ở ven Hồ Tây), lúc này sử cũ gọi là “Hoàng thành”. Tới năm 1592, khi Trịnh Tùng tấn công ra Bắc, thành Thăng Long đã bị phá huỷ, hư hại nặng nề.

Thời Lê Trung Hưng, một số cung điện của thành Thăng Long đã bị xuống cấp, nhiều đoạn tường thành bị sạt lở. Tuy nhiên, các du khách đến Kẻ Chợ vào nửa sau thế kỷ XVII như Marini, Baron, Dampier vẫn còn chứng kiến được vẻ tráng lệ huy hoàng của nó, mà họ ước tính chu vi toà thành rộng dài khoảng hơn 10km. Sau những cuộc binh lửa Tây Sơn, Lê - Trịnh và khi nhà Nguyễn thành lập, thành Thăng

Long hầu như đã bị triệt phá hoàn toàn, thay vào đấy là một toà thành mới nhỏ hơn: Trấn thành Thăng Long, sau đấy là tỉnh thành Hà Nội.

Trong thành Thăng Long có một toà thành nhỏ, bao quanh các cung điện chính, mang tên Long thành (đời Lý), Long Phượng thành (đời Trần) hay Phượng thành (đời Lê). Năm 1027, chính sử đã nhắc đến tên Long thành, trong sự kiện loạn Ba vương. Nhưng tới năm 1029, sử mới chép về việc xây dựng chính thức toà thành này: "Bên ngoài (các cung điện), xây đắp một lần thành bao quanh, gọi là Long thành". Năm 1243, vua Trần Thái Tông sai "đắp thành nội, gọi là thành Long Phượng". Năm 1304, vua Trần đã cho dẫn ba tam khôi ra cửa Long Môn của Phượng thành đi du ngoạn đường phố trong ba ngày. Năm 1490, Lê Thánh Tông cho "đắp rộng thêm Phụng thành, dựa theo quy mô thời Lý - Trần... phía ngoài trường đấu võ, mở rộng đến 8 dặm, lại lập vườn Thượng Lâm, trong vườn có hươu và các thú khác".

Trên các tấm bản đồ đời Hồng Đức, Long Phượng thành được thể hiện bằng một hình chữ nhật các cạnh vuông vắn. Tâm điểm là chính điện Kính Thiên (mà giới nghiên cứu cho là được xây dựng trên gò Nùng, tức Long Đố). Long Phượng thành được mở ra cửa chính phía Nam, tức cửa Đoan Môn. Cửa này còn mang nhiều tên gọi khác như Đoan Minh, Chu Tước, Triều Nguyên, lầu Ngũ Môn (phía trong) hoặc cửa Tam Môn (phía ngoài). Giữa Đoan Môn và điện Kính Thiên là một khoảng sân rất rộng, gọi là sân Long Trì (sau đổi là Đan Trì), chủ yếu dùng làm nơi tụ họp các văn võ bá quan, điểm duyệt nghi trượng trong các buổi đại lễ. Cách đây vài năm, khảo cổ học đã khai quật được một con đường lát gạch hoa chanh thuộc tầng văn hoá Lý - Trần dẫn

thẳng từ Đoan Môn đến Kính Thiên. Trong đợt khai quật lớn vừa qua, cũng đã phát hiện nhiều di tích và di vật của hoàng gia ở khu trung tâm này, thuộc các tầng văn hoá Lý, Trần, Lê. Điện Kính Thiên đời Lý - Trần có tên là điện Càn Nguyên (từ 1030 đổi thành Thiên An) có xây gác Kính Thiên. Ngược lại, trong điện Kính Thiên đời Lê có treo quả chuông lớn Càn Nguyên. Tổng hợp các tư liệu, chứng cứ đó, số đông các nhà nghiên cứu đoán định rằng khu trung tâm của Long Phượng thành trải qua các triều Lý, Trần, Lê không có sự thay đổi, xê dịch lớn, mà vật chuẩn là chính điện Càn Nguyên - Kính Thiên và Đoan Môn.

Diện tích chính của mặt bằng thành Long Phượng, theo ước tính đo đạc của các nhà khảo cổ học, là tương đối nhỏ. Nó chỉ rộng hơn diện tích thành Hà Nội đời Nguyễn đôi chút, mỗi cạnh khoảng hơn 1km. Nhưng nghiên cứu trên bản đồ, ta thấy thành Long Phượng còn được mở rộng sang phía Đông, sát đến cửa Đông Hoa, lấy làm khu Đông cung (Đông Bắc), dành cho các hoàng tử sinh hoạt và học tập và khu Thái Miếu (Đông Nam), có các miếu thờ tổ phụ hoàng gia. Về phía Tây, Phượng thành thời Lê Thánh Tông được mở rộng tới sát tường thành Thăng Long, bao lấy các hành cung du ngoạn, ngòi, hồ và khu vườn cấm. Một số bản đồ có vẽ ở khu này một đoạn tường thành mới đắp thêm (dang dở hoặc đã hoàn thành) nối Phượng thành với tường thành Thăng Long phía Tây, có lẽ đã thể hiện sự mở rộng này.

Trong cuộc tranh luận về phức hợp thành Thăng Long, tuy vẫn còn có những ý kiến khác nhau, nhưng nhìn chung, sự tồn tại, hình dáng và diện tích của ba toà thành Đại La, Thăng Long và Long Phượng

đã không gây nên những bất đồng lớn. Vấn đề gay gắt chính là mặt định tính: Chúng ta không thống nhất được những thuật ngữ chỉ định, chức năng và giới hạn cụ thể của những toà thành này. Sau đây là một số ý kiến riêng của chúng tôi, mong được xem như những gợi ý để tiếp tục thảo luận sâu hơn.

Phức hợp thành Thăng Long tồn tại suốt gần tám thế kỷ, đã trải qua nhiều biến động của lịch sử. Vì vậy chúng ta không nên gộp cả quãng thời gian dài đó lại để xem xét, e rằng có điều bất ổn. Chúng tôi tạm chia thành hai giai đoạn: Phức hợp thành Thăng Long thời Lý - Trần (là thời kỳ mà ảnh hưởng của văn hoá Đông Á Trung Hoa chưa thấm sâu vào Việt Nam) và phức hợp thành Thăng Long đời Lê (là thời kỳ xã hội Việt Nam đã thấm đượm những ảnh hưởng của văn hóa Nho giáo Trung Hoa, nhất là văn hóa thời Minh).

Trong thời kỳ đầu, các vua Lý - Trần đã thiết kế, xây dựng phức hợp thành Thăng Long không phải là rập khuôn theo những quan điểm giáo điều Nho giáo của phong kiến Trung Hoa, mà là căn cứ vào những nhu cầu thiết yếu của vương triều, điều kiện thực tế của thiên nhiên - xã hội Việt Nam lúc đó. Những mô phỏng về các tên gọi theo Trung Hoa của các công trình kiến trúc trong thành Thăng Long cũng chỉ là trên danh nghĩa. Các nhân tố có tác động mạnh là dòng chảy Nhị Hà, Tô Lịch - Kim Ngưu, ảnh hưởng sâu đậm của Phật, Đạo, quan hệ xã hội hoà đồng giữa quý tộc và bình dân thể hiện ở chính sách thân dân của triều đình.

Trong hoàn cảnh đó, thành Đại La chính là một hệ thống lũy - dê - đường, vừa để bảo vệ vòng ngoài Kinh đô Thăng Long (còn được gọi là kinh sư, kinh), vừa để ngăn chặn lũ lụt của dòng Tô Lịch - Kim Ngưu. Thành

Thăng Long có thể được coi như một kinh thành (toà thành cấp kinh đô, để phân biệt với các loại thành khác). Trong thành, nhiều cung điện hoàng gia, lầu gác được xây dựng, tập trung ở khu trung tâm, khu vực phía Bắc ven Hồ Tây và khu vực phía Tây (các làng Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Đại Yên, Liễu Giai sau này). Thêm vào là các vườn, hồ, ngòi, cầu, một số chùa chiền và đạo quán do nhà nước đứng ra xây dựng, dùng làm những nơi thăm viếng, du ngoạn của vua và hoàng gia. Điều đáng lưu ý là trong thành Thăng Long, đặc biệt ở khu vực phía Tây, còn tồn tại cả các phường (như Thái Hoà, Tây Nhai, Các Đài...), chợ búa (Hoàng Hoa, Tây Nhai...), thôn trại trong đó bình dân sinh sống. Chính sử và các tư liệu khai quật khảo cổ học (như ở khu Quần Ngựa) đã xác nhận điều này. Lúc đầu, những cộng đồng cư dân này thường có mối liên hệ nào đó với Triều đình như được ưu đãi, ân huệ (như trường hợp họ Hoàng quê gốc thôn Lê Mật), được giao trách nhiệm trông coi đền miếu (cư dân vùng Thủ Lệ), bị xung vào việc cất cỏ, chăn nuôi voi ngựa cho quan quân (các loại tội đồ làm Lao thành binh). Họ được gọi chung là các "vương dân". Về sau, thành phần của khối cư dân này ngày càng bị lai tạp đi.

Căn cứ vào thực tế quy hoạch và cơ cấu cư dân đó, chúng tôi cho rằng trong thời kỳ Lý - Trần, không nên coi thành Thăng Long là một Hoàng thành. Các bộ chính sử chép đời Lý - Trần, cũng không hề dùng đến thuật ngữ "Hoàng thành". Nói khác đi, dưới thời Lý - Trần, chưa có một Hoàng thành Thăng Long.

Toà thành thứ ba, nằm trong thành Thăng Long thời Lý - Trần là thành Long Phượng, bao quanh các cung điện chính. Nó còn được chính sử nhắc đến qua những thuật ngữ khác nhau như cấm thành, cấm

đình (sân cấm), thành nội, đại nội, nội điện, cung đình, cung... Phải chăng tất cả những tên riêng và thuật ngữ đó, với những mỹ hiệu tôn kính, đều chỉ chung cho một quần thể kiến trúc dành riêng cho vua và hoàng gia là Cấm thành Thăng Long - tức khu Hoàng cung Thăng Long? Chúng ta không có bản đồ Thăng Long đời Lý - Trần. Nhưng dựa theo sử sách, các chỉ dẫn văn bia (như bia chùa Đọi mô tả chùa Một Cột ở phía Tây Cấm thành, các di tích và di vật khảo cổ vừa phát hiện được về các công trình kiến trúc và các đồ ngự dụng của hoàng gia), ta có thể đoán định rằng Cấm thành đời Lý - Trần cũng gần trùng với Cấm thành đời Lê. Có điều là, Cấm thành Thăng Long thời Lý - Trần chưa hẳn thật thâm nghiêm, kín cổng cao tường như ở các thời kỳ sau đó. Sử cũ đã ghi chép nhiều sự kiện đáng lưu ý, như việc dân chúng có thể tự do vào lầu chuông Long Trì gióng chuông kêu oan, việc đông đảo dân chúng vào sân điện Long Trì dự các lễ hội Phật Đại Nguyện (1036), La Hán (1040), hội đèn Quảng Chiếu (1126), việc dân chúng nô nức kéo đến xem rước linh cữu Thượng hoàng Nhân Tông ở điện Diên Hiên, đứng chật tắc nghẽn cả lối đi (1310). Phải chăng điều đó đã phản ánh một chính sách thân dân, một quan hệ hoà đồng xã hội dưới thời Lý - Trần? Và như vậy, thì Cấm thành Thăng Long có còn đúng là một Cấm thành không?

Tóm lại, ở thời Lý - Trần, phức hợp thành Thăng Long có thể bao gồm: Luỹ đất Đại La (thành bao), thành Thăng Long (Kinh thành) và Long Phượng thành (Cấm thành Hoàng cung) mà chưa có một Hoàng thành.

Bước sang thời Hậu Lê, xã hội Việt Nam đã chuyển qua một bước ngoặt lịch sử căn bản. Các vua Lê chủ trương xây dựng đất nước theo mô hình quân chủ tập quyền Nho giáo. Ảnh hưởng của văn hoá Đông Á

Trung Hoa - trong đó có quan niệm Tam trùng thành quách - ngày càng thấm đậm. Phân tầng và phân biệt đẳng cấp đã trở lên sâu sắc. Hệ thống pháp luật thành văn được kiện toàn. Sau việc Nghi Dân trèo qua tường thành và tường cấm vào giết vua, việc sửa sang chấn chỉnh, canh phòng thành quách, cung điện càng trở lên hoàn bị, cẩn mật hơn.

Lúc này, trong các tư liệu lịch sử chính thức đương thời như các bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Quốc triều hình luật* (đặc biệt là chương Cấm vệ), bên cạnh những thuật ngữ "kinh thành, đô thành", "cấm thành, cung thành, cung cấm" đã thấy xuất hiện nhiều lần thuật ngữ "hoàng thành". Kết hợp với những thông tin chỉ dẫn trong tập bản đồ Hồng Đức, chúng tôi thử đưa ra một cái nhìn tổng quát về phức hợp thành Thăng Long thời Lê, có nhiều điểm dị biệt so với thời Lý - Trần.

Trước hết, nói về Kinh thành. Do sự mở rộng và hưng khởi của khu phường phố buôn bán phía Đông (ở giữa thành Thăng Long và sông Nhị Hà), Kinh thành lúc này đã được hiểu như là toàn bộ Kinh đô, tức địa hạt phủ Phụng Thiên, cả thành lẫn thị. Hoặc theo nghĩa hẹp hơn một chút, nó chỉ toà thành đất Đại La, bức thành bao quanh Kinh đô. Sau hơn một thế kỷ rưỡi ở trong tình trạng bị phá huỷ, thành Đại Đô được xây đắp lại, hẹp hơn, có hệ thống canh phòng nghiêm ngặt các cửa ô, cũng có thể được coi như một toà Kinh thành mới.

Cấm thành hay Cung thành, tức khu hoàng cung đời Lê, cũng đã được nhắc nhiều lần trong chính sử và bộ luật Hồng Đức. Cấm thành được bảo vệ cẩn mật bởi hệ thống các tường và cửa. Theo thứ tự từ ngoài vào trong, mức độ cẩn mật ngày càng tăng. Ta thấy có các tường/cửa cấm, tường/cửa điện (ngoại điện và nội điện),

tường/cửa cung, ngoài ra còn sân cấm, vườn cấm. Luật pháp trừng trị rất nặng (từ tội đồ đến tội tử) tất cả những ai (kể cả quan, dân) dám tự tiện vượt qua hệ thống tường - cửa đó, cũng như tự tiện vào cuộc đất, phát cỏ trong vườn cấm. Diện tích cấm thành (Phụng thành) được mở rộng nhất dưới thời Lê Thánh Tông, tuy nhiên sau đó, đã ngày càng bị thu hẹp lại, qua các sự biến Mạc diệt Lê, một số các vua Mạc bỏ ra ở ngoài thành, Lê - Trịnh diệt Mạc, triều Lê Trung Hưng ít quan tâm đến việc tu bổ cấm thành, và cuối cùng là việc xây dựng thành Đại Đô, qua đó thành Thăng Long và Cấm thành mặc nhiên đã mất hẳn một phần khu phía Tây rộng lớn.

Phức tạp nhất có lẽ vẫn là việc xác định một Hoàng thành Thăng Long đời Lê. Nhiều chứng cứ cho biết là, lúc này chắc chắn đã có một toà Hoàng thành. Hoàng thành này được mở ra bốn cửa (qua điều 145 luật Hồng Đức), được canh phòng cẩn mật, đóng khoá lại về ban đêm. Luật pháp trừng phạt những người tự tiện vào qua cửa Hoàng thành (tội trượng), được phép vào Hoàng thành mà không xuống ngựa (phạt tiền), được phép vào Hoàng thành mà đã ở lại qua đêm (tội lưu), trèo qua tường Hoàng thành (tội lưu viễn châu), đem khí giới vào Hoàng thành trái phép (tội tử). Luật cũng nghiêm cấm việc đánh nhau, cãi cọ trong Hoàng thành, đưa đám tang qua cửa Hoàng thành. Bảo vệ Hoàng thành còn có một hệ thống các điểm canh đặt bên ngoài, các huyện sở tại có nghĩa vụ phải cử tuần phu thay phiên canh giữ. Nhiều du khách phương Tây đến Thăng Long - Kẻ Chợ vào nửa sau thế kỷ XVII còn khẳng định về một toà thành rộng lớn, lông lầy, có chu vi khoảng 10 - 14km, trong đó có những đoạn tường đã bị sạt lở, người lạ không được phép vào qua cửa, nhưng vẫn có thể đến sát chân bờ tường.

Trong Hoàng thành, có các cơ quan, công sở, nha môn là nơi làm việc của các quan lại cấp triều đình và kinh đô. Một số quan liêu cao cấp có thể có nhà riêng trong Hoàng thành (như trường hợp nhà của Đề lĩnh Phụng Thiên Hoàng Phùng Cơ vào cuối thế kỷ XVIII). Cũng có một số công sở đã được triều đình cho di dời ra ngoài thành (như Hình bộ và Đại lý tự năm 1467. Phải chăng vì các cơ quan này luôn luôn phải tiếp xúc với dân chúng lui tới trong các vụ kiện tụng?).

Hoàng thành Thăng Long thời Lê có phạm vi rộng lớn nhất vào thời Lê Tương Dực đầu thế kỷ XVI, qua những đợt mở rộng, xây cất ở khu vực phía Bắc, ven Hồ Tây. Và mặc nhiên với việc xây đắp lũy Đại Đô năm 1749, Hoàng thành Thăng Long (nằm trong thành Đại La) đã bị thu hẹp lại.

Tổng hợp, đối chiếu nhiều nguồn tư liệu khác nhau, ta có thể đoán định có nhiều khả năng Hoàng thành Thăng Long chính là toà thành Thăng Long thời Lý - Trần. Vậy thì các cộng đồng bình dân đã từng sinh sống trong khu phía Tây thành Thăng Long thời Lý - Trần (như chúng ta đã chứng minh bên trên) phải chăng đến thời Lê đã bị nhà nước giải toả ra ngoài Hoàng thành? Một điều đáng lưu ý là, đại bộ phận cư dân sinh sống trong khu vực Thập Tam trại đời Nguyễn, qua tư liệu gia phả, đều có nguồn gốc di cư từ các nơi khác đến (chủ yếu là Thanh Hóa) trong nửa sau thế kỷ XVIII, nghĩa là chỉ sau khi đắp thành Đại Đô, khu phía Tây đã bị loại bỏ ra ngoài Hoàng thành. Tuy nhiên, sử sách không ghi chép về việc dân dân này. Và chúng ta cũng chưa thể khẳng định rằng trong thành Thăng Long (tức Hoàng thành) đời Lê đã không còn người bình dân cư trú và sinh sống, một khi vẫn còn một số phường tồn tại trong đó.

Dù sao chúng tôi cũng thử tạm phác họa một phức hợp thành Thăng Long đời Lê. Theo đó, thành bao Đại La trở thành Kinh thành, thành Thăng Long trở thành Hoàng thành, và khu Cấm thành hoàng cung thì vẫn là toà thành Long Phượng.

*

Chúng tôi cho rằng chung quanh phức hợp thành Thăng Long, vẫn còn nhiều vấn đề chưa rõ ràng, cần tiếp tục thảo luận. Những vấn đề lớn như tính chất, chức năng, thuật ngữ của từng toà thành, xác định giới hạn cụ thể của những toà thành đó, đối chiếu với bản đồ Hà Nội ngày nay. Có lẽ điều đó chỉ được làm sáng tỏ khi có những phát hiện khảo cổ học mang tính đột phá. Nhiều chi tiết vẫn còn phải khảo cứu thêm, như Hoàng thành Thăng Long có bao giờ vượt quá lên bờ Bắc, chắn ngang sông Tô Lịch? Hai đoạn tường thành phía Bắc được vẽ song song, gần trùng nhau trong một số bản đồ Hồng Đức nói lên điều gì, phải chăng thể hiện sự mở rộng Hoàng thành đầu thế kỷ XVI? Trường dấu võ và

diện Giảng Võ là một hay hai, nằm trong hay ngoài Phụng thành? Tại sao cửa Diệu Đức (Bắc) không được thể hiện trên bản đồ và không còn dấu vết? Cửa Quảng Phúc có phải là cửa Bảo Khánh? Quảng Văn đình nằm trong hay ngoài cửa thành Đại Hưng?

Một vấn đề bức xúc nữa mang tính thời sự đang được đặt ra, đó là cách chọn dùng thuật ngữ. Trong thời gian qua, chúng ta đã khai quật Hoàng thành Thăng Long hay Cấm thành Thăng Long? Khu khai quật, chủ yếu được tiến hành trên một diện tích tương đối hẹp thuộc Cấm thành, nằm trong một địa bàn rộng lớn (Hoàng thành hay thành Thăng Long), với những phế tích kiến trúc và di vật nằm sâu trong lòng đất, có nên được gọi một cách không thật chuẩn xác là "*Khu di tích Hoàng thành Thăng Long*", hay nên chăng, chúng ta có thể dùng một thuật ngữ mềm dẻo hơn và có phần chính xác hơn, tỷ dụ như "*Khu di chỉ Hoàng cung Thăng Long*?" Công việc tiếp tục phát hiện và nghiên cứu đánh giá chắc là còn nhiều bộn bề, nhưng mọi kết luận đều còn bỏ ngỏ.

CHÚ THÍCH

(1). Đơn cử một thí dụ: Cùng trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi sự kiện năm 1027: "Đông Chinh vương phục ở trong Long thành", nhưng sau đó lại ghi: "(năm 1029), bên ngoài đắp một lần thành bao quanh gọi là Long thành".

(2). Thí dụ: núi Nùng ở Bách Thảo ngày nay như chúng ta gọi không phải là núi Nùng trên đó xây điện Kính Thiên ngày xưa. Hoặc đến đầu thế kỷ XX, dân gian vẫn gọi Long thành là khu 36 phố phường Thăng Long - Hà Nội, mà không phải toà Long thành xưa kia.